

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 221/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 07 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc bổ sung điều chỉnh quyết toán ngân sách địa phương năm 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Thực hiện Văn bản số 817/KTNN-TH ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Kiểm toán Nhà nước về việc gửi Báo cáo kiểm toán;

Căn cứ Nghị quyết số 180/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 220/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2021 nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài;

Xét Tờ trình số 584/TTr-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung điều chỉnh quyết toán ngân sách địa phương năm 2021; Báo cáo thẩm tra số 256/BC-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung điều chỉnh số liệu quyết toán thu ngân sách địa phương năm 2021 tại khoản 2, 3, 4 Điều 1 của Nghị quyết số 180/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

2. Tổng thu ngân sách địa phương:	16.488.666 triệu đồng
- Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp:	5.151.777 -
- Thu chuyển nguồn từ năm trước sang:	1.498.451 -
- Thu kết dư ngân sách:	1.322.682 -
- Thu bổ sung từ ngân sách trung ương:	8.179.188 -
- Thu từ Quỹ dự trữ tài chính:	146.268 -
- Thu từ cấp dưới nộp lên:	143.140 -
- Địa phương vay từ nguồn cho vay lại của Chính phủ:	47.160 -
3. Tổng chi ngân sách địa phương:	15.875.152 triệu đồng
- Chi đầu tư phát triển:	3.208.223 -

- Chi thường xuyên:	9.028.901	-
- Chi trả lãi các khoản vay:	616	-
- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính:	2.550	-
- Chi chuyển nguồn sang năm sau	2.657.978	-
- Chi nộp ngân sách cấp trên:	956.019	-
- Chi trả nợ gốc:	20.865	-

4. Kết dư ngân sách địa phương:

	613.514 triệu đồng	
- Ngân sách cấp tỉnh:	181.538	-
- Ngân sách cấp huyện:	306.433	-
- Ngân sách xã:	125.543	-”.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, Kỳ họp thứ Mười hai (chuyên đề) thông qua ngày 07 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh, HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT - VP.



CHỦ TỊCH

Hồ Văn Niên



**CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾT DƯ ĐỂ TĂNG CHUYỂN NGUỒN KINH PHÍ PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 NĂM 2021
CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG SANG NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số 221/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi tiết		Ghi chú
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	
1	Kinh phí phòng phòng, chống dịch Covid-19 năm 2021 còn dư, chưa sử dụng hết các địa phương chuyển nguồn sang năm 2022 (điều chỉnh giảm kết dư)	12.295.788.312	9.647.232.100	2.648.556.212	
1.1	Ngân sách huyện	12.295.788.312	9.647.232.100	2.648.556.212	
-	Huyện Phú Thiện	2.633.874.500	2.633.874.500		
-	Thành phố Pleiku	1.132.589.000	943.740.000	188.849.000	
-	Huyện Chư Sê	113.147.446		113.147.446	
-	Huyện Ia Grai	798.323.600	741.180.600	57.143.000	
-	Huyện Ia Pa	1.199.143.686		1.199.143.686	
-	Huyện Kông Chro	111.636.000		111.636.000	
-	Huyện Chư Păh	124.022.800		124.022.800	
-	Thị xã An Khê	141.681.000		141.681.000	
-	Huyện Chư Prông	5.652.587.720	5.328.437.000	324.150.720	
-	Huyện Kbang	387.368.560		387.368.560	
-	Huyện Đức Cơ	1.414.000		1.414.000	
TỔNG CỘNG		12.295.788.312	9.647.232.100	2.648.556.212	

28